TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 04 - 8 - 2022
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng và ông Võ Đình Vang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã Vạn V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2022, bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà và ông Hoàng Văn K tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T, ông K chung sống với nhau hạnh phúc được hai năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông K hay đánh đập bà T, trong thời gian chung sống bà T, ông K đã ly thân tám năm, hiện nay ông bà không còn ở với nhau. Bà T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn cách nào để xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hoàng Văn K.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Hoàng Văn T1, sinh năm 1989; Hoàng Minh T2 sinh năm 1992; Hoàng Minh T3, sinh năm 1994 và Hoàng Thị T4, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn K thống nhất với phần trình bày của bà Hoàng Thị T về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà vẫn sống hạnh phúc, sau khi sinh được bốn người con thì bà T đi ra nước ngoài để làm ăn được mười năm thì bà T quay về và làm đơn ly hôn với ông. Hiện tại, ông K vẫn còn tình cảm với bà T, mong muốn bà T quay về chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông K không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Hoàng Văn T1, sinh năm 1989; Hoàng Minh T2, sinh năm 1992; Hoàng Minh T3, sinh năm 1994 và Hoàng Thị T4, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn K. Ông Hoàng Văn K là bị đơn đang cư trú tại Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn K tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Hoàng Thị T cho rằng thời gian đầu giữa bà và ông K chung sống với nhau hạnh phúc được hai năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K thường xuyên đánh đập bà T khiến cho cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng không có biện pháp khắc phục, hàn gắn. Trong 25 năm chung sống ông K, bà T đã sống ly thân được tám năm và hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau còn ông K trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng ông K, bà T vẫn sống hạnh phúc, sau khi sinh được bốn người con thì bà T đi ra nước ngoài để làm ăn được mười năm thì bà T quay về và làm đơn ly hôn với ông K. Hiện tại, ông K vẫn còn tình cảm với bà T nên ông K không đồng ý ly hôn.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù ông K có nguyện vọng mong muốn bà T quay về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên bà T kiên quyết ly hôn ông K, chứng tỏ bà T không còn tình cảm với ông K, các bên không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, hơn nữa thực tế hai người không còn sống chung với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Hoàng Văn T1, sinh năm 1989; Hoàng Minh T2, sinh năm 1992; Hoàng Minh T3, sinh năm 1994 và Hoàng Thị T4 sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/00031561 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2022). Riêng nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (số 131/04 - 01- 1988);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng